TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2020/HS-ST
Ngày: 20/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Kha.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Lê.

- Bà Phan Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Đình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST-HS ngày 19/6/2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Đỗ Thành T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Bình Định. Dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Thợ hồ. Con ông Đỗ Văn Th, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1952. Có vợ đã ly hôn và 02 con; lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại bản án số 91/HSPT/1997 ngày 17/10/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã xử phạt bị cáo 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 03 (ba) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tổng hợp hình phạt chung là 06 (sáu) tháng tù; tại bản án số 11/2020/HSST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên đã xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo đang chấp hành án, có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Bà Phan Diễm N, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Vợ chồng ông Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Bích D, sinh

năm 1986. Cùng cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Ông Đ có mặt, bà D vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Kim Đ, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bà Phan Thị L, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Khu phố 4, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Khu phố 4, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Bà Đinh Thị Ngọc Q, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

8. Ông Phạm Thanh G, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn L, xã B, thành phố B, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Thành Luân, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn P, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

11. Ông Lê Minh H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 10/9/2019 đến ngày 29/9/2019 Đỗ Thành T đã dùng thủ đoạn gian dối thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 15 giờ ngày 10/9/2019 Đỗ Thành T điều khiển xe mô tô biển số 77K1-086.12 đến cửa hàng buôn bán vật liệu xây dựng TT của bà Phan Diễm N ở thôn P, xã B, thành phố T H. Tại đây Trung giới thiệu mình tên là Bùi Tuấn Anh và đặt mua 524,5kg sắt phi 6; 672kg sắt phi 8; 20 cây sắt phi 10 nặng 138,6kg; 32 cây sắt phi 16 nặng 567,68kg và 50kg kẽm đen để xây dựng nhà. Sau khi thỏa thuận giá cả, bà N cho xe vận chuyển số vật liệu trên đến lô đất trống thuộc thôn C, xã A, thành

phố T H giao cho T. T ký nhận hàng với tên Bùi Tuấn Anh nhưng chưa trả tiền ngay, T nói bận đi đám cưới, không rút tiền được nên hẹn hôm sau T sẽ chuyển trả. Vì tin T nói thật nên bà Nam đồng ý cho T nợ tiền. Sau khi nhận hàng T thuê xe ô tô tải biển số 78C-031.82 của doanh nghiệp tư nhân taxi tải Phong Phú chở số vật liệu trên đến cửa hàng buôn bán vật liệu xây dựng TN của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Ngọc T ở số 47 H, phường Đ, TP Q, tỉnh Bình Định bán được 22.000.000 đồng. T trả tiền thuê xe tải 2.500.000đồng, còn lại T tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thành phố T H kết luận tổng giá trị các tài sản trên là 26.217.996 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 12 giờ ngày 29/9/2019 Đỗ Thành T điều khiển xe mô tô biển số 77K1-086.12 đến cửa hàng buôn bán vật liệu xây dựng BD của bà Nguyễn Thị Bích D tại thôn P, xã H, huyện P đặt mua 655 kg sắt phi 6; 894 kg sắt phi 8; 20 cây sắt phi 12; 45 cây sắt phi 14; 50 kg kẽm đen; 10 kg đinh 5 và 15 kg đinh 4 để xây dựng nhà yến, thỏa thuận giao hàng tại đám đất của ông Nguyễn Văn H thuộc thôn P, xã H, huyện P. Sau khi thỏa thuận giá cả, bà D cho xe vận chuyển số vật liệu trên đến địa điểm giao cho T. Khi nhận hàng T nói dối là chưa đủ tiền mặt để trả, hẹn sẽ trả tiền sau, vì tin tưởng nên bà D đồng ý cho T nợ tiền. Sau đó T thuê 01 chiếc xe ô tô tải cẩu (không biết biển số, của ai) chở số vật liệu trên đến cửa hàng buôn bán vật liệu xây dựng T của bà Phạm Thị Kim Đ ở khu phố Đ, thị trấn P bán 655 kg sắt phi 6; 894 kg sắt phi 8; 20 cây sắt phi 12; 45 cây sắt phi 14; 50 kg kẽm đen được 34.000.000 đồng và bán 10kg đinh 5; 15kg đinh 4 cho cửa hàng buôn bán vật liệu xây dựng TS của bà Phạm Thị L ở thôn P, xã AH, huyện T, được 250.000 đồng. T trả tiền thuê xe ô tô tải 1.500.000 đồng, còn lại T tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận tổng giá trị các tài sản trên là 42.588.000 đồng.

Tổng giá trị bị cáo đã chiếm đoạt trong 02 lần là 68.805.996đồng.

Với nội dung trên, bản Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 19/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, xin tòa xem xét mức án khoan hồng đối với bị cáo.

Các bị hại đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật; bị hại Phan Diễm N có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 28.839.796đ; vợ chồng bị hại Nguyễn Thị Bích D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 41.759.000đ. Bị cáo tự nguyện thống nhất bồi thường số tiền thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự;

Phạt: Bị cáo Đỗ Thành T từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 11/2020/HSST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù đến 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2019.

Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự. Bị cáo phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho những bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bà Phan Diễm N số tiền 28.839.796đ.

- Bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Kim Đ và bà Nguyễn Thị Bích D số tiền 41.759.000đ.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 10/9/2019 và 29/9/2019, Đỗ Thành T đã dùng thủ đoạn gian dối giả vờ là người có nhu cầu mua vật liệu xây dựng của các bị hại bằng hình thức nhận vật liệu trước sau đó lấy lý do bận việc hứa sẽ trả tiền sau. Khi đã nhận được vật liệu xây dựng T liền chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và bỏ trốn. Bằng thủ đoạn trên, ngày 10/9/2019 T chiếm đoạt của bà Phan Diễm N số vật liệu xây dựng trị giá 26.217.996 đồng; ngày 29/9/2019 T chiếm đoạt của vợ chồng chị Nguyễn Thị Bích D số vật liệu xây dựng trị giá 42.588.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt trong 02 lần là 68.805.996 đồng. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tới tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an - xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có nhân thân xấu; đã từng bị xử lý hình sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để chỉnh sửa bản thân trở thành người công dân lương thiện mà tiếp tục có hành vi phạm tội chiếm đoạt

tài sản. Bị cáo thực hiện 02 lần hành vi chiếm đoạt và giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên;" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài vụ án này bị cáo còn thực hiện hành vi lừa đảo tương tự đã bị xử lý trách nhiệm hình sự; bị cáo đang bị Công an thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên điều tra trong một vụ án khác về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trộm cắp tài sản do đó cần xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và cải tạo đối với bị cáo.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố cũng như xét xử sơ thẩm thấy rằng bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[3] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm theo yêu cầu của các bị hại cụ thể như sau: Bồi thường cho bà Phan Diễm N số tiền 28.839.796đ; bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Kim Đ và bà Nguyễn Thị Bích D số tiền 41.758.000đ.

[4] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 3.529.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

[5] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Kim Đ, Nguyễn Thị N, Phan Thị L quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ được khi mua vật liệu xây dựng do bị cáo bán lại những người trên không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có do đó không có cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thành T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thành T **03** (ba) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 11/2020/HSST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2019.

2. Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự. Bị cáo phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho những bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bà Phan Diễm N số tiền 28.839.796đ *(hai mươi tám triệu tám trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng).*

- Bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Kim Đ và bà Nguyễn Thị Bích D số tiền 41.759.000đ *(bốn mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 23; 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 3.529.000 đồng (*ba triệu năm trăm hai mươi chín nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT CA huyện Phú Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Văn Kha